

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 11 - 2021
Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2021/QĐST-NHGD ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 591/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 545/TB-TA ngày 09/07/2021; số 575/TB-TA ngày 29/07/2021; số 592/TB-TA ngày 15/08/2021; số 625/TB-TA ngày 08/09/2021; số 682/TB-TA ngày 05/10/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1976

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T yêu thương, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa từ năm 1995. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng nên chị và anh T đã sống ly thân nhau khoảng 02 năm nay, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con là cháu Dương Văn T2, sinh ngày 21/8/1995 và cháu Dương Văn N1, sinh ngày 03/10/1997. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Văn T đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị H.

Về nuôi con chung: hai cháu Dương Văn T2, sinh ngày 21/8/1995 và Dương Văn N1, sinh ngày 03/10/1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Dương Văn T; hiện chị H và anh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống trực tiếp tại ấp 3, xã L, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T chung sống với nhau từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/02/1995, nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, anh T có người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Chị đã sống ly thân với anh T từ năm 2019 đến nay, không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh T tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy vợ chồng đã tự sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2]. Về con chung: chị H khai có 02 con chung là cháu Dương Văn T2, sinh ngày 21/8/1995 và Dương Văn N1, sinh ngày 03/10/1997. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: chị H khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: chị H khai không có nên không xem xét.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 5, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị H.
- Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Dương Văn T.
2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
3. Về án phí: chị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0001245 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (đã nộp đủ).
4. Về quyền kháng cáo: chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS,THA huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Vũ